

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05-4-2022

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Vũ Tiến Thả

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn BT, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Quang B, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn BT, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2021, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà Nguyễn Thị A và ông Lê Quang B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 24 tháng 9 năm 2019. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông B thường hay ghen tuông vô cớ và cho rằng bà A có hành vi ngoại tình, do đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và không tìm được tiếng nói chung. Nay bà A xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc từ lâu không còn ai quan tâm

đến ai, bà A và ông B đã sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Hiện nay bà A và ông B mỗi người sống một nơi, do đó bà A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết được ly hôn với ông Lê Quang B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 05 người con chung là Lê Thị Minh C, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1983; Lê Thị Minh D, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1985; Lê Thị Phương Đ, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1988; Lê Thị Mỹ E, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1991 và Lê Thị Thúy F, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1994. Do các con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu.

Bị đơn ông Lê Quang B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông B đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 22 tháng 3 năm 2022.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Qua xem xét tại hồ sơ và các tài liệu do bà A cung cấp, xét thấy là phù hợp với quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Lê Quang B vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, ngày 22 tháng 3 năm 2022 ông B có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Xác định đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” do bà Nguyễn Thị A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Lê Quang B cư trú tại: thôn Bình A, xã Đa Kìa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] *Về việc vắng mặt đương sự:* Bị đơn ông Lê Quang B vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần. Tuy nhiên, vào ngày 22 tháng 3 năm 2022, ông B có đơn xin giải quyết vắng mặt, cho nên xem như ông B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A cho thấy, bà và ông Lê Quang B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 24 tháng 9 năm 2019. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chung sống ông bà rất hạnh phúc. Tuy nhiên, sau này thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông B thường hay ghen tuông vô cớ cho rằng bà A ngoại tình nhưng không có gì chứng minh, do đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và không tìm được tiếng nói chung. Nay bà A xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc từ lâu không còn ai quan tâm đến ai, bà A và ông B đã sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay và mỗi người sống mỗi nơi, do đó bà A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết được ly hôn với ông Lê Quang B.

Tại phiên tòa, bà A cho rằng bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, và bà A xác định nay không còn tình cảm với ông B. Mặc dù, tại phiên tòa không có mặt ông B, tuy nhiên ông B có có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có ý kiến gì trước yêu cầu của bà A về việc xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] *Về con chung:* Trong thời gian sống chung, bà A và ông B có 05 người con chung là Lê Thị Minh C, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1983; Lê Thị Minh D, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1985; Lê Thị Phương Đ, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1988; Lê Thị Mỹ

E, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1991 và Lê Thị Thúy F, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1994. Do các con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên bà A không yêu cầu cho nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về việc tranh chấp “Ly hôn”.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Lê Quang B.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006055 ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã ĐK;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

VĂN PHÚ VINH